



UBND QUẬN GÒ VẤP

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ

QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH
*(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-QT ngày 12 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường TCN Quang Trung)*

Tên ngành, nghề: QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

Mã ngành, nghề: 5480209

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.
- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương.

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương hoặc học sinh tốt nghiệp THCS không đăng ký học VHPT: 02 năm.

- Đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS và tương đương có đăng ký học VHPT: Từ 2,5 đến 03 năm (tùy theo chương trình VHPT mà học sinh đăng ký).

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp nhằm trang bị cho người học năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của nghề Quản trị mạng máy tính; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống kỹ thuật phức tạp trong thực tế; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, hội nhập công nghiệp 4.0, tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Học sinh tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu cụ thể sau:

1.2.1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

- Phẩm chất chính trị: Hiểu biết về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chấp

hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước

- Đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm; có ý thức giữ gìn, rèn luyện phẩm chất, đạo đức của công dân.

- Lối sống, tác phong: Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với sự hội nhập quốc tế; có tác phong phù hợp với chuẩn mực đạo đức và văn hoá của dân tộc.

1.2.2. Năng lực chuyên môn:

- Kiến thức chuyên môn:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;
+ Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;
+ Trình bày được nguyên tắc xây dựng, cài đặt cấu hình; vận hành và quản trị, bảo trì hệ thống mạng máy tính;

+ Mô tả các phương thức phá hoại và các biện pháp bảo vệ;

+ Khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành đã học vào công việc.

- Kỹ năng thực hành:

+ Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;

+ Thi công hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ, trung bình;

+ Cài đặt cấu hình và quản trị hệ thống mạng sử dụng Windows Server;

+ Cài đặt được cấu hình các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, WEB, MAIL;

+ Quản trị Website, thư điện tử;

+ Đảm bảo an toàn hệ thống mạng;

+ Bảo trì được hệ thống mạng máy tính, máy tính ở doanh nghiệp.

- Năng lực phát triển nghề nghiệp:

+ Học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường: tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

+ Tự học, tự rèn luyện và nghiên cứu khoa học: Có khả năng chủ động tiếp cận, cập nhật thông tin, kiến thức khoa học và công nghệ mới trong lĩnh vực Quản trị mạng máy tính; tự đánh giá và tự điều chỉnh năng lực nghề nghiệp của bản thân.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp, học sinh có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực nghề Quản trị mạng máy tính.

- Trở thành nhân viên làm được công việc quản trị mạng máy tính và các công việc liên quan về lĩnh vực CNTT tại các doanh nghiệp hoặc thực hiện thi công công trình mạng máy tính.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, mô đun: 22 ;

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 tín chỉ ;

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ ;

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.140 giờ ;

- Khối lượng lý thuyết: 303 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận, bài tập: 837 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 02	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục Quốc phòng	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	45	1.140	303	786	51
II.1	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	11	255	80	160	15
MH 07	An toàn lao động	2	30	16	12	2
MH 08	Cơ sở dữ liệu	2	45	16	26	3
MH 09	Kỹ thuật lập trình	2	45	16	26	3
MĐ 10	Mạng máy tính	3	75	16	55	4
MĐ 11	Lắp ráp và cài đặt máy tính	2	60	16	41	3
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	34	885	223	626	36
MĐ 12	Xử lý sự cố phần mềm	2	45	16	27	2
MĐ 13	Quản trị mạng Windows Server	4	90	32	53	5

MĐ 14	Quản trị mạng Linux	4	90	32	53	5
MĐ 15	Quản trị hệ thống Web Server và Mail Server	3	75	16	56	3
MĐ 16	Thiết kế và xây dựng mạng LAN	4	90	24	63	3
MĐ 17	Thiết kế, xây dựng hệ thống Camera giám sát và báo trộm	2	45	16	26	3
MĐ 18	An toàn mạng và bảo mật dữ liệu	3	60	24	33	3
MĐ 19	Bảo trì hệ thống mạng	2	45	16	27	2
MĐ 20	Thiết kế và quản trị Website	2	60	16	39	5
MĐ 21	Chuyên đề	3	90	16	69	5
MĐ 22	Thực tập tốt nghiệp	5	195	15	180	0
Tổng cộng		57	1.395	397	934	64